

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU  
DẦU KHÍ PHÚ YÊN**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>14 - 44</b>

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên từ ngày 20 tháng 12 năm 2011 và sử dụng tên mới để giao dịch từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 theo Nghị quyết số 03/NQ-LYK ngày 08 tháng 10 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên trước đây là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyên đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Tổng hợp Phú Yên theo Quyết định số 482/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400114094, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257. 3 828 643
- Fax : 0257. 3 824 162

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô	Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk	Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu 224	Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa An	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm	Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm	Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1	Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

449812  
HI NH  
NG TY  
TOAN V  
&  
NHA TI  
NG-T



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh	Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn	Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 229	Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Phú Cần	Quốc lộ 25 Dốc Đỏ, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc	304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa	Thôn Ma Rin 3, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron	Thôn Hlil 2, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó	Thôn Dron, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul	Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa	Quốc lộ 25, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo	01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến	Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện	Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Lê	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu An Nghiệp	ĐT 650, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phước An	Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Trị	ĐH 22, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đập Đá	Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Cửa hàng Xăng dầu 668	ĐT 668, thôn Bôn Hoai, xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Ân	Quốc lộ 25, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Gia	Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Giang	Quốc lộ 29, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 3	Quốc lộ 29, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ân Niên	ĐH 21, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Lãnh	Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sông Hinh	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Định Tây	Quốc lộ 25, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú An	Thôn Phú An, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Quang	Đường Phước Lộc - A20, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông Phú Thiện	Quốc lộ 25, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Thành	Quốc lộ 29, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Nhơn	Thôn Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư pưh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Đông	Đường Hùng Vương, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu Hai Riêng	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Long	Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông La Hai	ĐT 641, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Long	ĐT 643, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan, mua bán khí đốt.

## Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Văn Nhiệm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021
Bà Mai Bích Thủy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Hay	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Ma Đức Tú	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thái Định	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2021

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Triết	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Bà Lại Thị Thu Hoài	Kiểm soát viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020

### Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Nhiệm	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021
Ông Nguyễn Thái Định	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021
Ông Võ Nguyên Hợp	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Trần Văn Hay	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2020

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Nhiệm	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021
Ông Nguyễn Thái Định	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, 



**Ngô Văn Nhiệm**  
Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2022

Số: 1.0147/22/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2022, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C

**Nguyễn Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

**Trần Thị Cẩm Vân - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3215-2020-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.439.461.250</b>	<b>102.355.938.861</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.626.068.980</b>	<b>2.040.280.069</b>
1. Tiền	111		2.626.068.980	2.040.280.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.322.342.412</b>	<b>62.208.499.044</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	72.143.435.160	61.603.493.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	219.741.912	773.139.586
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.308.897.224	18.113.065.601
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(17.349.731.884)	(18.281.199.226)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>52.784.498.700</b>	<b>36.175.396.811</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	52.784.498.700	36.175.396.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>706.551.158</b>	<b>1.931.762.937</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	706.551.158	1.931.762.937
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.972.897.953</b>	<b>120.059.144.473</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84.097.608.848</b>	<b>79.580.200.154</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	55.625.445.404	50.367.683.150
- Nguyên giá	222		123.067.367.320	114.324.419.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.441.921.916)	(63.956.736.160)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	28.472.163.444	29.212.517.004
- Nguyên giá	228		31.471.368.428	31.471.368.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.999.204.984)	(2.258.851.424)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.880.141.069</b>	<b>4.180.003.548</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.880.141.069	4.180.003.548
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.360.000.000</b>	<b>9.360.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	9.360.000.000	9.360.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.635.148.036</b>	<b>26.938.940.771</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	31.970.041.991	26.040.702.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.665.106.045	898.238.757
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>260.412.359.203</b>	<b>222.415.083.334</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>122.834.138.679</b>	<b>91.838.786.212</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.370.832.162</b>	<b>81.233.118.212</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.916.603.289	18.307.096.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.374.517.358	1.634.746.306
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	51.626.101.247	45.787.779.203
4. Phải trả người lao động	314	V.16	9.262.064.034	8.096.385.664
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.938.910.298	1.968.263.407
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	13.090.911	26.181.820
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	531.771.111	681.484.716
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.557.400.801	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.991.367.909	2.814.689.565
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.159.005.204	1.916.491.457
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.463.306.517</b>	<b>10.605.668.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	27.463.306.517	10.605.668.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.578.220.524</b>	<b>130.576.297.122</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>137.578.220.524</b>	<b>130.576.297.122</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	86.519.260.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.519.260.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	36.474.931.242	34.032.616.656
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	14.584.029.282	14.143.680.466
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		214.262.729	14.143.680.466
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.369.766.553	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>260.412.359.203</b>	<b>222.415.083.334</b>

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

  
Trịnh Thương Huyền  
Người lập

  
Nguyễn Thị Hồng Phương  
Kế toán trưởng

  
Ngô Văn Nhiệm  
Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.030.412.799.984	1.473.304.995.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.030.412.799.984	1.473.304.995.418
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.902.731.821.962	1.366.753.658.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.680.978.022	106.551.337.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.484.137.169	3.153.992.279
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	508.677.753	40.092.903
Trong đó: chi phí lãi vay	23		508.677.753	40.092.903
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	89.437.922.680	83.638.956.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.701.687.427	18.795.362.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.516.827.331	7.230.916.983
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.843.155.575	4.578.704.483
12. Chi phí khác	32	VI.8	292.452.432	186.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		6.550.703.143	4.392.704.483
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.067.530.474	11.623.621.466
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4.985.155.111	2.457.831.869
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(766.867.288)	(603.468.745)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.849.242.651	9.769.258.342
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	1.661	847
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	1.661	847

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022


Trịnh Thương Huyền  
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Phương  
Kế toán trưởngNgô Văn Nhiệm  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.067.530.474	11.623.621.466
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	7.558.186.899	6.768.370.989
- Các khoản dự phòng	03	V.5, 21	(754.788.998)	(287.122.946)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(2.701.833.416)	(1.830.176.569)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	508.677.753	40.092.903
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.677.772.712	16.314.785.843
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.182.376.026)	6.624.153.365
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.609.101.889)	(12.615.852.549)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.686.560.723	(4.446.639.441)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.704.128.198)	6.609.974.196
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(508.677.753)	(40.092.903)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5.213.665.627)	(2.532.695.680)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(4.981.053.602)	(2.692.705.355)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.834.669.660)</b>	<b>7.220.927.476</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.461.253.600)	(5.420.736.982)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.470.854.470	131.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.621.064.883	1.698.358.387
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.369.334.247)</b>	<b>(3.590.560.413)</b>

49815-  
HI NHA  
IG TY  
FOÁN và  
&  
NHA TP  
VNG - T

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	29.319.935.808	650.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(10.904.896.490)	(44.332.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 23	(5.625.246.500)	(4.095.101.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>12.789.792.818</b>	<b>(3.489.433.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>585.788.911</b>	<b>140.933.563</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2.040.280.069</b>	<b>1.899.346.506</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.626.068.980</b>	<b>2.040.280.069</b>

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Trịnh Thương Huyền  
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Phương  
Kế toán trưởng



Ngô Văn Nhiệm  
Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan, mua bán khí đốt.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Công ty tăng so với năm trước chủ yếu do giá bán xăng dầu và tỷ lệ lợi nhuận gộp trên lít xăng dầu tăng so với năm trước.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên có trụ sở chính tại thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này kinh doanh khí dầu hỏa lỏng, chiết nạp khí dầu hỏa lỏng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 39%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô	Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk	Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu 224	Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu Hòa An	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm	Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm	Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1	Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh	Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn	Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 229	Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Phú Cần	Quốc lộ 25 Dốc Đỏ, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc	304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa	Thôn Ma Rin 3, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron	Thôn Hlil 2, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó	Thôn Dron, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul	Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa	Quốc lộ 25, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo	01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến	Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện	Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Lê	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu An Nghiệp	ĐT 650, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phước An	Quốc lộ 26, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Trị	ĐH 22, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đập Đá	Khu vực Bả Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu 668	ĐT 668, thôn Bôn Hoai, xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Ân	Quốc lộ 25, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Gia	Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Giang	Quốc lộ 29, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 3	Quốc lộ 29, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ân Niên	ĐH 21, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Lãnh	Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sông Hinh	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Định Tây	Quốc lộ 25, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú An	Thôn Phú An, xã Ia Le, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Quang	Đường Phước Lộc - A20, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông Phú Thiện	Quốc lộ 25, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Thành	Quốc lộ 29, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Nhơn	Thôn Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư puh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Đông	Đường Hùng Vương, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hai Riêng	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Long	Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông La Hai	ĐT 641, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Long	ĐT 643, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 286 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 281 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## **7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

## **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

## **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có:

### ***Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường***

Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường được lập để phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường bằng 0,5% trên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 86/2016/TT-NTC ngày 20/6/2016 và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm. Số dư trích lập Quỹ này không được vượt quá 10% Vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Tăng, giảm số dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trường hợp rủi ro gây ra hậu quả môi trường lớn, doanh nghiệp đã sử dụng hết Quỹ và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ thì doanh nghiệp được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 5 năm tiếp theo kể từ năm xảy ra rủi ro về môi trường. Mức trích và tỷ lệ trích căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm, đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm không bị lỗ.

Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt sản xuất kinh doanh các ngành nghề quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này thì số dư Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết được hạch toán vào thu nhập khác.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:





# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.502.115.712	1.920.396.680
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	123.953.268	119.883.389
<b>Cộng</b>	<b>2.626.068.980</b>	<b>2.040.280.069</b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>3.428.231.315</b>	<b>2.488.033.957</b>
Công ty Cổ phần TM Xuất nhập khẩu Thủ Đức	844.841.150	931.110.530
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	638.890.210	417.537.650
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	471.488.780	347.993.177
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	309.732.647	210.964.183





## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	301.755.435	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	223.020.970	45.714.280
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP	180.459.256	90.515.810
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	131.728.036	87.966.290
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	99.709.075	53.148.488
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	96.834.245	209.335.980
Công ty Cổ phần Dầu Khí Mê Kông	83.757.910	62.660.100
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	23.487.177	16.978.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	11.758.030	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	8.827.994	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	1.940.400	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	-	7.689.827
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	-	6.419.097
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>68.715.203.845</b>	<b>59.115.459.126</b>
Công ty Cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn	11.485.443.239	12.823.609.329
Công ty Cổ phần Thương mại Quy Nhơn	11.988.423.330	11.849.552.830
Các khách hàng khác	45.241.337.276	34.442.296.967
<b>Cộng</b>	<b>72.143.435.160</b>	<b>61.603.493.083</b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>33.460.912</b>	<b>28.511.786</b>
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	19.438.042	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	14.022.870	28.511.786
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>186.281.000</b>	<b>744.627.800</b>
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	-	500.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	130.000.000	130.000.000
Các nhà cung cấp khác	56.281.000	114.627.800
<b>Cộng</b>	<b>219.741.912</b>	<b>773.139.586</b>

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>16.604.952.041</b>	<b>(16.604.952.041)</b>	<b>17.604.952.041</b>	<b>(17.604.952.041)</b>
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên - Tiền lãi cho vay	16.604.952.041	(16.604.952.041)	17.604.952.041	(17.604.952.041)
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>703.945.183</b>	<b>-</b>	<b>508.113.560</b>	<b>-</b>
Các khoản ký cược, ký quỹ	499.290.000	-	289.615.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	204.655.183	-	218.498.560	-
<b>Cộng</b>	<b>17.308.897.224</b>	<b>(16.604.952.041)</b>	<b>18.113.065.601</b>	<b>(17.604.952.041)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		<b>16.604.952.041</b>	<b>-</b>		<b>17.604.952.041</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên – Tiền lãi cho vay	Trên 3 năm	16.604.952.041	-	Trên 3 năm	17.604.952.041	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>806.085.890</b>	<b>61.306.047</b>		<b>790.538.290</b>	<b>114.291.105</b>
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	452.732.400	-	Trên 3 năm	365.331.300	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 đến dưới 3 năm	204.353.490	61.306.047	Từ 2 đến dưới 3 năm	119.061.950	35.718.585
Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	Từ 1 đến dưới 2 năm	157.145.040	78.572.520
Trả trước xây dựng cơ bản	Trên 3 năm	149.000.000	-	Trên 3 năm	149.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>17.411.037.931</b>	<b>61.306.047</b>		<b>18.395.490.331</b>	<b>114.291.105</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	18.281.199.226	19.149.503.245
Trích lập dự phòng bổ sung	98.793.508	138.445.981
Hoàn nhập dự phòng	(1.010.100.000)	(1.006.750.000)
Giảm khác do xóa nợ	(20.160.850)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.349.731.884</b>	<b>18.281.199.226</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	1.393.908.006	-	1.222.890.832	-
Hàng hóa	51.390.590.694	-	34.952.505.979	-
<b>Cộng</b>	<b>52.784.498.700</b>	<b>-</b>	<b>36.175.396.811</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	112.592.624	219.063.906
Chi phí công cụ dụng cụ	38.572.916	72.790.852
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	555.385.618	1.639.908.179
<b>Cộng</b>	<b>706.551.158</b>	<b>1.931.762.937</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê cửa hàng, tiền thuê đất	31.293.607.064	25.816.350.830
Chi phí sửa chữa tài sản	55.643.977	171.288.882
Các chi phí trả trước dài hạn khác	620.790.950	53.062.302
<b>Cộng</b>	<b>31.970.041.991</b>	<b>26.040.702.014</b>

Một số quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.722.934.802 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	83.271.361.432	20.460.140.462	10.450.866.962	142.050.454	114.324.419.310
Mua trong năm	-	947.186.134	-	38.909.091	986.095.225
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.553.537.016	1.926.049.289	-	-	11.479.586.305
Tài sản tổn thất do bão	(3.722.733.520)	-	-	-	(3.722.733.520)
<b>Số cuối năm</b>	<b>89.102.164.928</b>	<b>23.333.375.885</b>	<b>10.450.866.962</b>	<b>180.959.545</b>	<b>123.067.367.320</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	30.120.877.267	8.360.484.281	5.337.502.962	142.050.454	43.960.914.964
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	44.227.839.260	11.727.484.528	7.859.361.918	142.050.454	63.956.736.160
Khấu hao trong năm	3.282.464.959	2.361.483.851	1.173.832.232	52.297	6.817.833.339
Tài sản tổn thất do bão	(3.332.647.583)	-	-	-	(3.332.647.583)
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.177.656.636</b>	<b>14.088.968.379</b>	<b>9.033.194.150</b>	<b>142.102.751</b>	<b>67.441.921.916</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	39.043.522.172	8.732.655.934	2.591.505.044	-	50.367.683.150
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.924.508.292</b>	<b>9.244.407.506</b>	<b>1.417.672.812</b>	<b>38.856.794</b>	<b>55.625.445.404</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.050.628.172 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	31.010.203.321	461.165.107	31.471.368.428
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.010.203.321</b>	<b>461.165.107</b>	<b>31.471.368.428</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.237.933.607	20.917.817	2.258.851.424
Khấu hao trong năm	639.477.228	100.876.332	740.353.560
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.877.410.835</b>	<b>121.794.149</b>	<b>2.999.204.984</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	28.772.269.714	440.247.290	29.212.517.004
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.132.792.486</b>	<b>339.370.958</b>	<b>28.472.163.444</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.943.164.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	986.095.225	(986.095.225)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.180.003.548	13.863.910.227	(11.479.586.305)	(1.684.186.401)	4.880.141.069
- Cửa hàng xăng dầu Đông La Hai	1.512.015.420	2.955.816.719	(3.679.680.999)	(788.151.140)	-
- Cửa hàng xăng dầu Ea Chà Rang	1.360.811.018	920.807.720	-	-	2.281.618.738
- Cửa hàng xăng dầu Sơn Long	1.091.658.482	1.462.965.455	(1.659.497.766)	(895.126.171)	-
- Cửa hàng xăng dầu Nam Xuân Lĩnh	-	999.608.693	-	-	999.608.693
- Đường vào kho xăng dầu Vũng Rô giai đoạn 3	209.891.356	5.104.919.626	(5.314.810.982)	-	-
- Mở rộng kho xăng dầu Vũng Rô	-	997.167.274	-	-	997.167.274
- Phần mềm quản lý hệ thống cửa hàng xăng dầu	-	542.878.182	-	-	542.878.182
- Các công trình khác	5.627.272	879.746.558	(825.596.558)	(909.090)	58.868.182
<b>Cộng</b>	<b>4.180.003.548</b>	<b>14.850.005.452</b>	<b>(12.465.681.530)</b>	<b>(1.684.186.401)</b>	<b>4.880.141.069</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 11. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400344901 ngày 16 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên 9.360.000.000 VND (tương ứng 93.600 cổ phiếu), tương đương 39% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức được chia	1.591.200.000	1.684.800.000
Doanh thu bán xăng dầu và cung cấp dịch vụ	657.654.135	387.501.217
Thu nhập khác	47.000.000	-

### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, chi tiết như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Các khoản chi phí phải trả	852.147.217	750.308.400	1.602.455.617
Khấu hao	46.091.540	16.558.888	62.650.428
<b>Cộng</b>	<b>898.238.757</b>	<b>766.867.288</b>	<b>1.665.106.045</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>19.440.850.503</b>	<b>15.126.219.033</b>
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	18.923.213.516	14.781.003.965
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	225.377.604	152.097.500
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	138.959.130	31.065.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	73.746.347	4.739.683
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	31.968.710	20.597.340
Chi nhánh Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi	28.913.136	59.314.414

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec) - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng	10.376.850	-
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	8.295.210	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	-	50.340.770
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng Kho Xăng dầu Miền Đông	-	27.059.561
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>3.475.752.786</b>	<b>3.180.877.041</b>
Các nhà cung cấp khác	3.475.752.786	3.180.877.041
<b>Cộng</b>	<b><u>22.916.603.289</u></b>	<b><u>18.307.096.074</u></b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	-	<b>229.510</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	229.510
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>2.374.517.358</b>	<b>1.634.516.796</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Petrol Bình Phước	842.640.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hòa Trang	500.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hoàng Sơn - Quy Nhơn	-	552.250.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Miền núi Gia Lai	-	380.490.000
Công ty TNHH Thương Hoan	-	266.240.000
Công ty TNHH Đình Phát	-	239.490.000
Các khách hàng khác	1.031.877.358	196.046.796
<b>Cộng</b>	<b><u>2.374.517.358</u></b>	<b><u>1.634.746.306</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.981.687.968	51.885.209.358	(49.056.615.415)	7.810.281.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.752.471.141	4.985.155.111	(5.213.665.627)	1.523.960.625
Thuế thu nhập cá nhân	30.034.642	460.345.489	(458.763.557)	31.616.574
Tiền thuê đất	-	349.526.780	(349.526.780)	-
Thuế bảo vệ môi trường	39.023.585.452	461.790.185.677	(458.553.528.992)	42.260.242.137
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	16.630.123	(16.630.123)	-
Thuế tài nguyên	-	9.408.000	(9.408.000)	-
Các loại thuế khác	-	66.203.856	(66.203.856)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>45.787.779.203</u></b>	<b><u>519.562.664.394</u></b>	<b><u>(513.724.342.350)</u></b>	<b><u>51.626.101.247</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi một số điều Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với 08 cửa hàng đầu tư mới trên địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và khó khăn:

- Các cửa hàng xăng dầu Hòa Trị, Phú Ân, Ân Niên, Hòa Định Tây tại huyện Phú Hòa - tỉnh Phú Yên; cửa hàng xăng dầu Sông Hình tại huyện Sông Hình - tỉnh Phú Yên; cửa hàng xăng dầu Xuân Quang tại huyện Đồng Xuân - tỉnh Phú Yên thuộc địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn với ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm và miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị được hưởng ưu đãi thuế miễn thuế từ năm 2017; cửa hàng xăng dầu Ân Niên, Phú Ân và Sông Hình được hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2018; cửa hàng xăng dầu Hòa Định Tây và Xuân Quang được hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2019.
- Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp tại huyện Tuy An - tỉnh Phú Yên, cửa hàng xăng dầu Hòa Vinh 3 tại huyện Đông Hòa - tỉnh Phú Yên thuộc địa bàn kinh tế khó khăn với ưu đãi thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế hai năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn năm tiếp theo. Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2017. Cửa hàng xăng dầu Hòa Vinh 3 hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2018.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.067.530.474	11.623.621.466
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	9.516.551.733	3.725.662.359
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.258.467.658)	(1.282.170.389)
Thu nhập chịu thuế	28.325.614.549	14.067.113.436
Thu nhập được miễn thuế	(1.591.200.000)	(1.684.800.000)
Thu nhập tính thuế	26.734.414.549	12.382.313.436
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>5.346.882.910</b>	<b>2.476.462.687</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(195.353.471)</b>	<b>(40.953.507)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(233.848.969)</b>	<b>(183.038.039)</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</b>	<b>67.474.641</b>	<b>205.360.728</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.985.155.111</b>	<b>2.457.831.869</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

### Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường với mức thuế cho từng mặt hàng như sau:

Loại hàng hóa	Đơn giá (VND/lít)
- Dầu diesel	2.000
- Xăng, trừ ethanol	4.000

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	9.262.064.034	8.096.385.664
<b>Cộng</b>	<b>9.262.064.034</b>	<b>8.096.385.664</b>

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>500.000.000</b>	<b>222.637.558</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi phí sử dụng nhãn hiệu PVN	500.000.000	222.637.558
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.438.910.298</b>	<b>1.745.625.849</b>
Chi phí sửa chữa, thay thế	2.168.166.298	1.498.437.849
Chi phí ăn ca	198.744.000	202.188.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	72.000.000	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.938.910.298</b>	<b>1.968.263.407</b>

### 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là số tiền trả trước về cho thuê tài sản tại cửa hàng xăng dầu Khánh Lê.

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	102.865.150	104.359.750
Tiền bảo hành phải trả các đơn vị cung cấp	349.729.411	440.501.016
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	79.176.550	136.623.950
<b>Cộng</b>	<b>531.771.111</b>	<b>681.484.716</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Vay ngắn hạn/dài hạn

#### 20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.557.400.801	-
<b>Cộng</b>	<b>1.557.400.801</b>	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	1.557.400.801
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.557.400.801</b>

#### 20b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên <sup>(i)</sup>	9.999.000.000	9.999.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Phú Yên <sup>(ii)</sup>	10.000.000.000	-
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên <sup>(iii)</sup>	6.530.257.957	606.668.000
Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên <sup>(iv)</sup>	934.048.560	-
<b>Cộng</b>	<b>27.463.306.517</b>	<b>10.605.668.000</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên với lãi suất 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng việc bên vay sẽ sử dụng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay tại ngân hàng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Phú Yên với lãi suất 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng việc sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại ngân hàng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh tỉnh Phú Yên theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202002050 ngày 21 tháng 8 năm 2020 để sửa chữa giai đoạn 2 đường vào Kho xăng dầu Vũng Rô thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 12 tháng trả lãi sau + biên độ 2,8%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.
  - Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100276 ngày 19 tháng 01 năm 2021 để đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu Đông La Hai với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 132 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100468 ngày 08 tháng 02 năm 2021 để mua lưu lượng kế 4” với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100493 ngày 09 tháng 02 năm 2021 để mua cần xuất xăng dầu 4” tại kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100954 ngày 20 tháng 4 năm 2021 để đầu tư sửa chữa phần còn lại đường vào kho xăng dầu Vũng Rô thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 120 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202101648 ngày 12 tháng 07 năm 2021 để đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng 4 pha neo đậu tại Cảng Vũng Rô, với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202102253 ngày 04 tháng 10 năm 2021 để trả tiền thuê cửa hàng xăng dầu IaPa tại địa chỉ: Thôn Ma Rin 3, xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 48 tháng

Các khoản vay nêu trên được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; thôn Nguyễn An, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số 202125992832 ngày 09 tháng 02 năm 2021 để đầu tư cửa hàng xăng dầu Sơn Long với lãi suất ba tháng đầu tiên là 8,15%/năm cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 067402, số vào sổ cấp GCN: CT 04090 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2018 tại địa chỉ Khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Thông tin về tài sản thế chấp trình bày tại thuyết minh số V.7, V.8 và V.9.

Các khoản vay có kỳ hạn thanh toán từ 1 đến 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.605.668.000	10.000.000.000
Số tiền vay trong năm	29.319.935.808	650.000.000
Số tiền đã trả trong năm	(10.904.896.490)	(44.332.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.557.400.801)	
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>27.463.306.517</u></b>	<b><u>10.605.668.000</u></b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.814.689.565	2.233.508.492
Tăng do trích lập	834.201.979	581.181.073
Số sử dụng	(657.523.635)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.991.367.909</b>	<b>2.814.689.565</b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng người quản lý	Cộng
Số đầu năm	158.005.308	1.758.486.149	-	1.916.491.457
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2020	420.333.958	1.118.557.293	205.200.000	1.744.091.251
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm nay	1.239.738.049	1.239.738.049	-	2.479.476.098
Chi quỹ trong năm	(1.752.466.934)	(3.023.386.668)	(205.200.000)	(4.981.053.602)
<b>Số cuối năm</b>	<b>65.610.381</b>	<b>1.093.394.823</b>	<b>-</b>	<b>1.159.005.204</b>

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	82.400.000.000	29.436.293.986	17.182.118.572	129.018.412.558
Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2019	-	4.596.322.670	(4.596.322.670)	-
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(3.393.150.443)	(3.393.150.443)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(4.120.000.000)	(4.120.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.769.258.342	9.769.258.342
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	(698.223.335)	(698.223.335)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>82.400.000.000</b>	<b>34.032.616.656</b>	<b>14.143.680.466</b>	<b>130.576.297.122</b>
Số dư đầu năm nay	82.400.000.000	34.032.616.656	14.143.680.466	130.576.297.122
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.119.260.000	-	(4.119.260.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020	-	2.442.314.586	(2.442.314.586)	-
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020	-	-	(1.744.091.251)	(1.744.091.251)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	(5.623.751.900)	(5.623.751.900)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	16.849.242.651	16.849.242.651
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	(2.479.476.098)	(2.479.476.098)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>86.519.260.000</b>	<b>36.474.931.242</b>	<b>14.584.029.282</b>	<b>137.578.220.524</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% mệnh giá. Ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu đã phân phối là 411.926 cổ phiếu, tương ứng 4.119.260.000 VND.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 17 tháng 02 năm 2021 do tăng vốn điều lệ từ 82.400.000.000 VND lên thành 86.519.260.000 VND, chi tiết vốn góp theo cổ đông như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	58.079.280.000	55.313.600.000
Ông Đỗ Tiến Cường	7.651.450.000	7.287.100.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	5.182.000.000	-
Bà Lê Thị Liên	5.381.350.000	5.125.100.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	-	5.140.370.000
Các cổ đông khác	10.225.180.000	9.533.830.000
<b>Cộng</b>	<b>86.519.260.000</b>	<b>82.400.000.000</b>

### 23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.651.926	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 và năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2019	4.119.260.000	-	4.119.260.000
• Chia cổ tức bằng tiền	5.623.751.900	-	5.623.751.900
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.442.314.586	-	2.442.314.586
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.442.314.586	698.223.335	1.744.091.251



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong năm nay với số tiền 2.479.476.098 VND.

### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 24a. Tài sản nhận giữ hộ

	Số lượng (lít)
<i>Hàng hóa, nguyên liệu nhận giữ hộ</i>	
- Ethanol (E100)	77.267
- Xăng các loại	4.597.500
- Dầu các loại	1.817.918

#### 24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý tại ngày cuối năm là 86.732.900 VND (số đầu năm là 66.572.050 VND). Công ty xử lý các khoản nợ này do không có khả năng thu hồi.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.014.444.223.617	1.458.507.394.391
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.968.576.367	14.797.601.027
<b>Cộng</b>	<b>2.030.412.799.984</b>	<b>1.473.304.995.418</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP</i>	<i>2.018.618.038</i>	<i>3.909.422.754</i>
Bán hàng hóa	1.566.390	630.545
Cung cấp dịch vụ	2.017.051.648	3.908.792.209
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội</i>	<i>9.689.090.909</i>	<i>5.621.150</i>
Bán hàng hóa	9.689.090.909	-
Cung cấp dịch vụ	-	5.621.150
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng</i>	<i>6.221.756.586</i>	<i>1.394.546.231</i>
Bán hàng hóa	6.218.181.818	1.375.529.727
Cung cấp dịch vụ	3.574.768	19.016.504
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức</i>	<i>5.634.260.925</i>	-
Bán hàng hóa	5.634.260.925	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu</b>	<b>3.296.851.556</b>	<b>12.363.064.013</b>
Bán hàng hóa	1.902.727.273	11.301.854.545
Cung cấp dịch vụ	1.394.124.283	1.061.209.468
<b>Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (Petec)</b>	<b>3.259.358.398</b>	<b>1.439.283.625</b>
Bán hàng hóa	1.114.545.455	-
Cung cấp dịch vụ	2.144.812.943	1.439.283.625
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh</b>	<b>2.587.357.443</b>	<b>1.007.636.364</b>
Bán hàng hóa	2.537.272.727	1.007.636.364
Cung cấp dịch vụ	50.084.716	-
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung</b>	<b>2.048.751.445</b>	<b>3.083.924.386</b>
Bán hàng hóa	-	1.584.909.091
Cung cấp dịch vụ	2.048.751.445	1.499.015.295
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận</b>	<b>1.636.316.880</b>	<b>4.653.495.929</b>
Bán hàng hóa	1.317.272.727	4.400.454.546
Cung cấp dịch vụ	319.044.153	253.041.383
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế</b>	<b>583.103.720</b>	<b>4.015.346.972</b>
Bán hàng hóa	521.363.636	3.919.727.272
Cung cấp dịch vụ	61.740.084	95.619.700
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn</b>	<b>381.655.379</b>	<b>31.327.851</b>
Cung cấp dịch vụ	194.753.543	31.327.851
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa</b>	<b>87.554.145</b>	<b>11.835.568</b>
Bán hàng hóa	68.929.818	-
Cung cấp dịch vụ	18.624.327	11.835.568
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng</b>	<b>5.896.773</b>	<b>18.754.034</b>
Cung cấp dịch vụ	5.896.773	18.754.034
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình</b>	<b>-</b>	<b>2.345.395</b>
Cung cấp dịch vụ	-	2.345.395
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Là giá vốn của hàng hóa đã bán		
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	29.864.883	13.558.387
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.591.200.000	1.684.800.000
Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn	1.863.072.286	1.455.633.892
<b>Cộng</b>	<b>3.484.137.169</b>	<b>3.153.992.279</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay trong năm.

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	39.619.659.482	36.153.873.518
Chi phí vật liệu, bao bì	228.238.860	135.280.193
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.821.203.751	3.393.007.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.316.273.983	5.659.298.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.400.435.699	31.034.238.448
- Phí vận chuyển xăng dầu	14.552.046.941	13.138.253.613
- Tiền thuê đất	5.879.877.005	5.928.521.604
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	14.968.511.753	11.967.463.231
Các chi phí khác	4.052.110.905	7.263.258.488
<b>Cộng</b>	<b>89.437.922.680</b>	<b>83.638.956.901</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.045.620.147	9.858.597.534
Chi phí vật liệu quản lý	413.331.982	452.594.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	672.522.078	121.702.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.241.912.916	1.109.072.562
Thuế, phí và lệ phí	133.896.376	150.552.317
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	1.053.376.524	581.181.073
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(911.306.492)	(868.304.019)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.357.360.883	3.776.048.986
Các chi phí khác	7.694.973.013	3.613.916.987
<b>Cộng</b>	<b>26.701.687.427</b>	<b>18.795.362.727</b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	131.818.182
Xử lý kết quả kiểm kê	5.498.458.629	3.574.089.766
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường giá trị con đường đã xử lý	1.080.768.533	-
Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn	-	543.659.417
Các khoản thu nhập khác	263.928.413	329.137.118
<b>Cộng</b>	<b>6.843.155.575</b>	<b>4.578.704.483</b>

### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	188.250.000	186.000.000
Chi phí khác	104.202.432	-
<b>Cộng</b>	<b>292.452.432</b>	<b>186.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	330.875.017	75.303.168
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.097.742.305)	(678.771.913)
<b>Cộng</b>	<b>(766.867.288)</b>	<b>(603.468.745)</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.849.242.651	9.769.258.342
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.479.476.098)	(2.442.314.586)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.369.766.553	7.326.943.756
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.651.926	8.651.926
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.661</b>	<b>847</b>

#### 11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.048 VND xuống còn 847 VND.

### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.135.296.671	4.102.585.307
Chi phí nhân công	51.665.279.629	46.012.471.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.558.186.899	6.768.370.989
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(911.306.492)	(868.304.019)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.757.796.582	34.810.287.434
Chi phí khác	12.934.356.818	11.608.908.865
<b>Cộng</b>	<b>116.139.610.107</b>	<b>102.434.319.628</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Thu nhập khác	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>					
Hội đồng quản trị (Thành viên không chuyên trách và thành viên độc lập)	-	74.000.000	186.000.000	24.611.111	284.611.111
Ban điều hành (Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng)	2.219.271.574	139.607.243	101.250.000	311.572.556	2.771.701.373
Ban Kiểm soát (Trưởng ban kiểm soát và 01 Kiểm soát viên)	541.417.835	25.832.757	17.500.000	63.534.000	648.284.592
<b>Cộng</b>	<b>2.760.689.409</b>	<b>239.440.000</b>	<b>304.750.000</b>	<b>399.717.667</b>	<b>3.704.597.076</b>
<b>Năm trước</b>					
Hội đồng quản trị (Thành viên không chuyên trách và thành viên độc lập)	-	136.000.000	186.000.000	-	322.000.000
Ban điều hành (Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng)	2.231.684.717	233.285.439	108.000.000	73.105.000	2.646.075.156
Ban Kiểm soát (Trưởng ban kiểm soát và 01 Kiểm soát viên)	576.184.886	51.783.670	26.984.000	21.707.000	676.659.556
<b>Cộng</b>	<b>2.807.869.603</b>	<b>421.069.109</b>	<b>320.984.000</b>	<b>94.812.000</b>	<b>3.644.734.712</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty có cùng công ty mẹ



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	Công ty có cùng công ty mẹ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	Công ty có cùng công ty mẹ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL tại Đà Nẵng	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Công ty liên kết của công ty mẹ

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP</b>		
Chi trả cổ tức trong năm	3.775.153.200	2.765.680.000
Phí dịch vụ	930.225.198	891.684.572
Mua hàng hóa xăng dầu	1.876.064.168.194	1.359.551.836.097
Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn	1.863.072.286	1.999.293.309
Tiền thưởng hỗ trợ sản lượng	-	175.795.677
<b>Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi</b>		
Phí dịch vụ	527.278.873	470.329.293
<b>Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông</b>		
Phí/(Điều chỉnh giảm) phí dịch vụ	(17.670.948)	63.615.246
<b>Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà bè</b>		
Phí dịch vụ	50.553.886	23.657.962
<b>Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ</b>		
Phí dịch vụ	13.141.350	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)</b>		
Mua xăng dầu	721.994.818	5.757.801.364
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu</b>		
Mua xăng dầu	-	5.045.363.637
Phí dịch vụ	531.137	398.455
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL tại Đà Nẵng</b>		
Mua xăng dầu	2.943.153.636	2.932.336.382
<b>Công ty Cổ phần Điều Phú Yên</b>		
Nhận thanh toán lãi vay	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn</b>		
Mua xăng dầu	14.855.454.545	868.000.000
Phí dịch vụ	8.045.910	8.831.629
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế</b>		
Mua xăng dầu	3.186.545.455	824.454.545
Phí dịch vụ	-	7.000.228
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận</b>		
Mua xăng dầu	16.000.999.999	540.272.729
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVoil Miền Trung</b>		
Mua xăng dầu	-	329.454.545
Phí dịch vụ	38.865.200	24.566.074
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thụ Đức</b>		
Phí dịch vụ	80.151.736	57.738.479
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội</b>		
Phí dịch vụ	44.770.090	35.965.902
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng</b>		
Phí dịch vụ	36.468.819	27.743.643
<b>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa</b>		
Phí dịch vụ	9.434.366	4.167.861
<b>Công ty Cổ phần Dầu Khí Mê Kông</b>		
Phí dịch vụ	6.811.910	1.512.409





# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ</i> Phí dịch vụ	49.636	-
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình</i> Phí dịch vụ	534.819	-
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec) - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng</i> Phí dịch vụ	9.433.500	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.13, V.14, V.17 và V.19.


## 2. Thông tin về bộ phận


Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu và trong khu vực địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.


## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

  
Trịnh Thương Huyền  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hồng Phương  
Kế toán trưởng

  
Ngô Văn Nhiệm  
Giám đốc

